BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOẰNG HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 929 /QĐ-BVHH	*Hoằng Hóa, ngày 02 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: "Mua thuốc Generic bổ sung lần 3 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Hoằng Hóa năm 2026-2027."

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOẰNG HÓA

Căn cứ Luật Đấu thầu 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023,được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 349/2026-NĐ-CP ngày 09/09/2026về việc sửa đổi ,bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính: Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2024/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2020-2025.

Công văn số 14454/UBND-VX ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chủ trương đấu thầu mua thuốc, vật tư y tế tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2024-2025;

Căn cứ công văn số 9948/UBNDVHXH ngày 28/5/2026 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc mua sắm thuốc tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ công văn số 4795/SYT-NVYD ngày 29/05/2026 của Sở Y tế Thanh Hóa về việc chủ động mua sắm thuốc tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thuốc và điều trị của Bệnh viện Đa khoa Hoằng Hóa ngày 16/10/2026 ;

Căn cứ quyết định phê duyệt dự toán mua sắm "Mua thuốc Generic bổ sung lần 3 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Hoằng Hóa năm 2026-2027." số 914 /QĐ-BVHH ngày 29/10/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Hoằng hóa ;

Theo đề nghị của Tổ đấu thầu Bệnh viện đa khoa Hoằng Hóa tại tờ trình số 920/Ttr-TĐT ngày 30/10/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu : "Mua thuốc Generic bổ sung lần 3 sử dụng tại bệnh viện Đa khoa Hoằng Hóa năm 2026-2027"thuộc dự toán mua sắm "Mua thuốc Generic bổ sung lần 3 sử dụng tại bệnh viện Đa khoa Hoằng Hóa năm 2026-2027"

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm :" Mua thuốc Generic bổ sung lần 3 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Hoằng Hóa năm 2026-2027" với nội dung chi tiết theo phụ lục I và phụ lục II đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Tổ Đấu thầu,Trưởng khoa Dược –VT,TBYT, Trưởng phòng Tài chính kế toán và các phòng chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./..

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOẰNG HÓA

Nguyễn Xuân Lập

PHỤ LỤC I

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Dự toán mua sắm: "Mua thuốc Generic bổ sung lần 3 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Hoằng Hóa năm 2026-2027."

(Kèm theo Quyết định số: 929 /QĐ-BVHH ngày 02 tháng 11 năm 2026)

Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VND)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tùy chọn mua thêm
	Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
Bệnh viện đa khoa Hoằng Hóa	Mua thuốc generic bổ sung lần 3 sử dụng tại Bệnh viện đa khoa Hoằng Hóa năm 2026-2027	Mua bổ sung thuốc generic phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện	1.996.680.650 đồng	Nguồn quỹ Bảo hiểm y tế,nguồn thu viện phí và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của Bệnh viện đa khoa Hoằng Hóa	Chào giá trực tuyến theo qui trình rút gọn		45 ngày	Tháng 11/2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không áp dụng
giá gói thầu	1.996.680.650 đồng (*Một tỷ,chín trăm chín sáu triệu ,sáu trăm tám mươi ngàn ,sáu trăm năm mươi đồng).*										

PHỤ LỤC II
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
Danh mục các mặt hàng : "Mua thuốc Generic bổ sung lần 3 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Hoằng Hóa năm 2026-2027.".

(Kèm theo Quyết định số: 329 /QĐ-BVHH ngày 12 tháng 11 năm 2026)

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Giá kế hoạch (Vnd)	SL dự kiến	Thành tiền dự kiến
1	Gen. 001	Rocuronium bromide	4	(10mg/ml) x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi/ gói	41,000	200	8,200,000
2	Gen. 002	Nefopam hydroclorid	1	20mg/2ml	tiêm	thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/túi/ gói	23,593	300	7,077,900
3	Gen. 003	Allopurinol	4	300mg	uống	viên	viên	450	52,000	23,400,000
4	Gen. 004	Nor-epinephrin (Nor- adrenalin)	4	1 mg/1 ml	Tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi/ gói	3,500	400	1,400,000
5	Gen. 005	Sorbitol	4	3%/5 lít	Dung dịch rửa	Dung dịch rửa vô khuẩn	can	140,000	10	1,400,000
6	Gen.006	Phenobarbital	2	100 mg	uống	viên	viên	315	28,500	8,977,500
7	Gen. 007	Cefdinir	4	125 mg	uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ/ống/túi/ gói	1,578	30,000	47,340,000
8	Gen. 008	Aciclovir	1	800 mg	uống	viên	viên	11,780	4,000	47.120.000

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Giá kế hoạch (Vnd)	SL dự kiến	Thành tiền dự kiến
9	Gen. 009	Acetylsalicylic acid (DL-lysin-acetylsalicylat)	4	100 mg	uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ/ống/túi/ gói	1,860	50,000	93.000.000
10	Gen.010	Acetylsalicylic acid + clopidogrel	3	100mg +75mg	uống	viên	viên	4,995	15,000	74.925.000
11	Gen.011	Atorvastatin	2	20mg	uống	viên	viên	310	350,000	108.500.000
12	Gen.012	Ondansetron	4	8mg/4ml	tiêm	thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/túi/ gói	2,350	200	470.000
13	Gen.013	Methyl prednisolon acetat	1	40 mg	tiêm	thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/túi/ gói	34,669	500	17.334.500
14	Gen. 014	Progesteron	1	200 mg	đặt âm đạo	viên nang	viên	14,000	2,500	35.000.000
15	Gen.015	Dapagliflozin	4	10mg	uống	viên	viên	990	400,000	396.000.000
16	Gen.016	Metformin	3	500mg	uống	viên	viên	158	700,000	110.250.000
7	Gen.017	Moxifloxacin + dexamethason	4	(0,5% + 0,1%); 6ml	nhỏ mắt	thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống/túi/ gói	20,000	4,500	90.000.000
18	Gen.018	Bambuterol	1	10 mg	uống	viên	viên	5,639	6,000	33.834.000

T	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Giá kế hoạch (Vnd)	SL dự kiến	Thành tiền dự kiến
19	Gen.019	Salbutamol sulfat	4	0,5mg/ml	tiêm	thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/túi/ gói	1,690	1,000	1.690.000
20	Gen.020	Amlodipin + lisinopril	3	5mg + 10mg	uống	viên	viên	3,550	30,000	106.500.000
21	Gen.021	Methyldopa	4	250mg	uống	viên	viên	1,995	550	1.097.250
22	Gen .022	Perindopril + indapamid	2	4mg + 1.25mg	uống	viên	viên	1,750	150,000	262.500.000
23	Gen.023	Valsartan + hydroclorothiazid	4	120mg + 12,5mg	uống	viên	viên	2,247	100,000	224.700.000
24	Gen .024	Dexamethason	4	4mg/ml	tiêm	thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/túi/ gói	629	500	314.500
25	Gen.025	Simethicon	4	40mg/ml;15 ml	uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/túi/ gói	21,000	150	3.150.000
6	Gen.026	Metformin	1	850 mg	Uống	Viên	Viên	735	250,000	183.750.000
7	Gen 0.27	Natri clorid	4	0,9g/100 ml	Tiêm /tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi/ gói	4,350	25,000	108.750.000
		Tổng 27 thuốc							**2,201,310**	**1,996,680,650**